

Số:.....0...15...../ PLX - QĐ-TGD

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2020



PETROLIMEX

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành và thực hiện Yêu cầu kỹ thuật đối với mặt hàng FO nhập tạo nguồn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/04/2018;

Xét đề nghị của các Ông Trưởng các Ban: Kỹ thuật xăng dầu, Thương mại quốc tế và đảm bảo nguồn Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Yêu cầu kỹ thuật đối với mặt hàng FO nhập tạo nguồn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 718/PLX-QĐ-TGD ngày 28/11/2019 của Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về việc ban hành và thực hiện Yêu cầu kỹ thuật đối với nhiên liệu đốt lò và nhiên liệu hàng hải nhập tạo nguồn.

Điều 3. Các Ông/Bà Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các ban nghiệp vụ có liên quan của Tập đoàn; Chủ tịch, Giám đốc các Công ty xăng dầu đầu mối tiếp nhận

các sản phẩm nhiên liệu đốt lò, nhiên liệu hàng hải nhập tạo nguồn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT PLX (để b/c);
- Ban TGD PLX (để c/đ);
- Ban TMQT (để t/h);
- Các Công ty xăng dầu đầu mối nhập tạo nguồn (để p/h t/h);
- Ban CSKD. PR. PCKT (để p/h);
- Lưu VT, KTXD (25b).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Thắng

Phạm Đức Thắng



YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI MẶT HÀNG FO NHẬP TẠO NGUỒN

(ban hành kèm theo quyết định số **015** /QĐ-TGD ngày **14** / **01** / **2020**
 của Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam)

TT	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
		FO 180-0,5S	FO 3,0S	FO 3,5S	FO 380-0,5S	
1	Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/l, max	0,991	0,970	0,991	0,991	TCVN 6594 (ASTM D1298) /IP 160
2	Độ nhớt động học ở 50 °C, cSt, max	180	180	180	380	TCVN 3171 (ASTM D445) /IP 71
3	Điểm chớp cháy cốc kín, °C, min	60	66	66	60	TCVN 2693 (ASTM D93) /IP 34
4	Cặn cacbon, % khối lượng, max	18	14	16	18	TCVN 6324 (ASTM D189) /TCVN 7865 (ASTM D4530) /IP 13
5	Hàm lượng lưu huỳnh, % khối lượng, max	0,5	3,0	3,5	0,5	TCVN 3172 (ASTM D4294) /TCVN 6701 (ASTM D2622) /IP 336 /IP 61
6	Hàm lượng tro, % khối lượng, max	0,10	0,15	0,15	0,10	TCVN 2690 (ASTM D482) /IP 4
7	Điểm đông đặc, °C - Mùa hè, max - Mùa đông, max	+ 24 + 18	+ 24 + 15	+ 24 + 9	+ 24 + 18	TCVN 3753 (ASTM D97) /IP 15
8	Nhiệt trị, cal/g, min	9800	10200	9800	9800	ASTM D240/IP 12
9	Hàm lượng nước, % thể tích, max	0,5	0,5	0,5	0,5	TCVN 2692 (ASTM D95) /IP 74
10	Hàm lượng tạp chất, % khối lượng, max	0,15	0,15	0,15	0,15	ASTM D473 /IP 53
11	Hàm lượng vanadium, mg/kg, max	350	Báo cáo	Báo cáo	350	IP 501
12	Hàm lượng natri, mg/kg, max	100	Báo cáo	Báo cáo	100	IP 501/ IP 470
13	Hàm lượng nhôm và silic, mg/kg, max	60	Báo cáo	Báo cáo	60	ASTM D5184 /ISO 10478 /IP 470 /IP 501
14	Độ sạch và độ tương thích	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	ASTM D4740
15	Hàm lượng Asphalten, % khối lượng, max	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 3750 (ASTM D6560)
16	Hàm lượng cặn tổng tiềm ẩn, % khối lượng, max	Báo cáo	-	-	Báo cáo	ASTM D4870 / ISO 10307-2
17	Hàm lượng kẽm, mg/kg, max	15	-	-	15	IP 501 /IP 470

18	Hàm lượng phot pho, mg/kg, max	15	-	-	15	IP 501 /IP 500
19	Hàm lượng canxi, mg/kg, max	30	-	-	30	IP 501
20	Chỉ số CCAI, max	870	-	-	870	ISO 8217
21	Hàm lượng hydro sulfua, mg/kg, max	2,0	-	-	2,0	IP 570
22	Trị số axit, mg KOH/g, max	2,5	-	-	2,5	TCVN 6325 (ASTM D664)